

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH NN MTV LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 261/QĐ-CTLNTP ngày 04 tháng 9 năm 2014
của Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiền Phong)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại Công ty TNHH NN MTV Lâm Nghiệp Tiền phong.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả thành viên của Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiền phong và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc đầu tư vốn, tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 3. Điều khoản chung

- Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiền phong (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Công ty được mở tài khoản giao dịch bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tại các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước ở Việt Nam;

- Chủ tịch Công ty là người chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và pháp luật về quản lý tài chính tại đơn vị mình. Kịp thời báo cáo cho Chủ sở hữu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp (thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc các trường hợp sai phạm khác).

- Nguyên tắc chung trong quản lý thu chi: Mọi hoạt động thu, chi tại Công ty phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và phải được quản lý chặt chẽ:

+ Các khoản thu, chi phát sinh bằng ngoại tệ phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại tệ của nhà nước đồng thời phải quy đổi ra tiền VNĐ theo tỷ giá bán ra trên thị trường liên ngân hàng để hạch toán.

+ Các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định về phân cấp, quy trình, thủ tục, định mức, hoá đơn chứng từ, hồ sơ.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài chính

- Công ty thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiền phong và các văn bản qui phạm pháp luật khác có liên quan.

- Công ty thực hiện theo nguyên tắc quản lý tài chính tập trung.

- Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của các cơ quan quản lý Nhà nước, Bộ phận kiểm soát nội bộ theo Nghị định 61/2013/NĐ-CP.

Điều 5. Quyền quản lý tài chính của Công ty

- Công ty được sử dụng vốn để phục vụ các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lời.

- Trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật.

- Công ty trực tiếp vay vốn ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc vốn góp từ CBNV của Công ty.

- Có quyền sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.

- Công ty có các quyền khác về tài chính theo Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn, tài sản, phân chia các quỹ, hạch toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính của Công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn.

- Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Chương II QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 7. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ là số vốn do chủ sở hữu quyết định và được ghi vào Điều lệ Công ty tại các thời điểm theo quy định của pháp luật.

- Vốn điều lệ của Công ty được tăng, giảm khi có quyết định phê duyệt của Chủ sở hữu (Ủy ban Nhân dân tỉnh).

- Vốn điều lệ của Công ty chỉ được sử dụng cho mục đích hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp vốn, liên doanh, thực hiện các hình thức đầu tư khác theo qui định của Điều lệ Công ty.

Điều 8. Huy động vốn

Hình thức huy động vốn:

Công ty được vay vốn của các tổ chức tín dụng, các pháp nhân khác, trong trường hợp đặc biệt Công ty được phép vay vốn của CBNV và các hình thức huy động vốn khác để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nguyên tắc huy động vốn:

- Việc huy động vốn phải có phương án và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo khả năng thanh toán nợ. Người phê duyệt phương án huy động vốn

phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

- Việc vay vốn của các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo qui định của pháp luật, mức lãi suất vay vốn trong nước tối đa không vượt quá mức lãi suất vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn.

Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

Công ty được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Trong đó Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn không vượt quá 50% vốn điều lệ của Công ty.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

Điều 9. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình. Việc mua sắm, đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng tài sản cố định phải tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế khả thi được thẩm định từ việc đầu tư.

Chủ tịch Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ của Công ty, nhưng không vượt quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

Chủ tịch Công ty quyết định việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại nhằm phục vụ công tác chung của Công ty.

Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không phù hợp, lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được.

Điều 10. Việc trích, sử dụng tiền khấu hao tài sản cố định.

- Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao kể cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ một số tài sản sau thì không phải trích khấu hao: Tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng, các tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài sản cố định từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho Công ty sử dụng.

- Khấu hao tài sản cố định dựa trên nguyên tắc khấu hao theo đường thẳng.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định được hạch toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.

- Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý, bồi thường. Hội đồng Công ty quyết định mức bồi thường. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được hạch toán vào chi phí khác của Công ty;

- Toàn bộ vốn do trích khấu hao tài sản cố định được dùng để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản và sử dụng vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 11. Cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản

- Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo đúng các quy định của pháp luật.

- Chủ tịch Công ty quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 50% vốn điều lệ của Công ty.

- Chủ tịch Công ty quyết định thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty để vay vốn, nhưng không vượt quá 50% vốn điều lệ của Công ty

- Tài sản đem cầm cố, thế chấp phải có chứng từ, tài liệu chứng minh, tổng hợp và giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 12. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

- Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý để thu hồi vốn đối với tài sản lạc hậu kỹ thuật, tài sản hư hỏng không phục hồi được, tài sản đã hết thời gian sử dụng, tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn.

- Chủ tịch Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại dưới 50% vốn điều lệ của Công ty. Đối với các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản lớn hơn 50% vốn điều lệ của Công ty thì Chủ tịch Công ty báo cáo chủ sở hữu quyết định.

- Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, vật tư phải lập Hội đồng thanh lý để xác định tình trạng kỹ thuật và giá trị, thông báo rộng rãi việc bán tài sản và tổ chức bán đấu giá công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản (khi thấy cần thiết).

- Hạch toán nguyên giá, giá trị còn lại và chi phí thanh lý nhượng bán tài sản phải tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

Điều 13. Quản lý hàng tồn kho

- Hàng tồn kho là hàng hoá mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

- Công ty có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

- Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Điều 14. Quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả

Thực hiện theo Quy chế quản lý nợ của Công ty, ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-CTLNTP ngày 03/9/2014.

Điều 15. Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được hạch toán vào thu nhập tài chính, hoặc chi phí tài chính trong năm của Công ty.

Điều 16. Kiểm kê tài sản

Định kỳ (hàng năm), Công ty tiến hành kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường, bị xử lý theo quy định của pháp luật. Chủ tịch công ty quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Chủ tịch công ty lập phương án xử lý tổn thất trình chủ sở hữu và cơ quan tài chính có thẩm quyền.

Tài sản thừa sau kiểm kê

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê được hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

Điều 17. Đánh giá lại giá trị tài sản

- Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

+ Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+Thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp: cổ phần hoá, bán hoặc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo các hình thức khác.

+ Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và có sự chứng nhận của đơn vị kiểm toán. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị tài sản do đánh giá lại được ghi tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.

Chương IV

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 18. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập hợp pháp khác.

- Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Công ty. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng dịch vụ,... sau khi trừ (-) các khoản giảm giá hàng hoá, hàng bán bị trả lại (có chứng từ hợp lệ), được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền).

- Doanh thu từ các hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi từ việc cho vay vốn; lãi tiền gửi.

- Thu nhập khác: là các khoản thu từ hoạt động không thường xuyên theo chế độ quy định hiện hành như: thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nhưng chủ nợ không còn, thu từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.

- Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ phải có các hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 19. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành. Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh:

a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định.

c) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Chủ tịch công ty quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định.

đ) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh trên nguyên tắc quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

e) Chi phí bằng tiền khác gồm:

- Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tiền thuê đất;

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;

- Chi cho công tác y tế;

- Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;

- Chi phí cho lao động nữ;

- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

- Chi phí ăn ca cho người lao động;

- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

- Các khoản chi phí bằng tiền khác.

g) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định 71/2013/NĐ-CP; Giá trị tài sản tổn thất thực tế theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

2. Chi phí khác, bao gồm:

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.

b) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

c) Chi phí để thu tiền phạt;

d) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

đ) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

- a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.
- b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng.
- c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.
- d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh công ty mà do cá nhân gây ra.

Điều 20. Quản lý chi phí

- Thường xuyên theo dõi, phân tích chi phí sản xuất kinh doanh nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí để có giải pháp khắc phục kịp thời.

- Việc ghi nhận chi phí phát sinh phải đảm bảo chế độ kế toán hiện hành và theo quy định về chi phí của Công ty.

Điều 21. Phân phối thu nhập

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn đã được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích 30% quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

- Doanh nghiệp xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

Doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp xếp loại B được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp.

d) Trường hợp Công ty trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi mà không đủ mức theo quy định tại Điểm b Khoản này, thì được giảm trừ phần trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ) Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập theo quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Điều 22. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong doanh nghiệp.

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài doanh nghiệp có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của doanh nghiệp.

Mức thưởng theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này do Giám đốc quyết định. Riêng Điểm a Khoản này cần có ý kiến của Công đoàn Công ty trước khi quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Công ty.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Chủ tịch công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty.

5. Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp được sử dụng để thưởng cho Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty. Mức thưởng do chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty.

6. Việc trích lập và sử dụng các quỹ nói trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

7. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

CHƯƠNG V
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN,
THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 23. Kế hoạch tài chính

Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty đã được chủ sở hữu quyết định.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch công ty quyết định.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch công ty quyết định, Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 24. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

Cuối kỳ kế toán (6 tháng, năm), Công ty lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chế quản lý tài chính này quy định cụ thể về việc quản lý tài chính của Công ty TNHH NN MTV Lâm Nghiệp Tiên Phong, việc tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tài chính phải dựa trên những quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế khác của Công ty có liên quan.

Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH NN MTV Lâm Nghiệp Tiên Phong có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Công ty ký quyết định ban hành.

CHỦ TỊCH CÔNG TY